

Ngày 30/09/2025	20,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	18.0%	7.2%

	Q3/25	
ROE	5.0%	+/- YoY ▲ 3.5%

	Q3/25		
DT thuần	260	QoQ	YoY
		▲ 117	▲ 171
		▲ 81.8%	▲ 190%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	530	YoY
		▲ 248
		▲ 87.8%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	110	QoQ	YoY
		▲ 44.9	▲ 86.2
		▲ 69.0%	▲ 362%
	tỷ VNĐ		

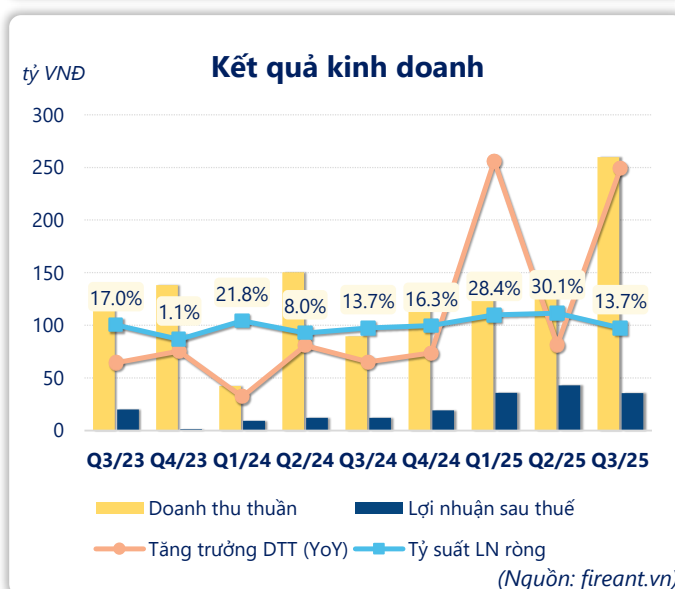
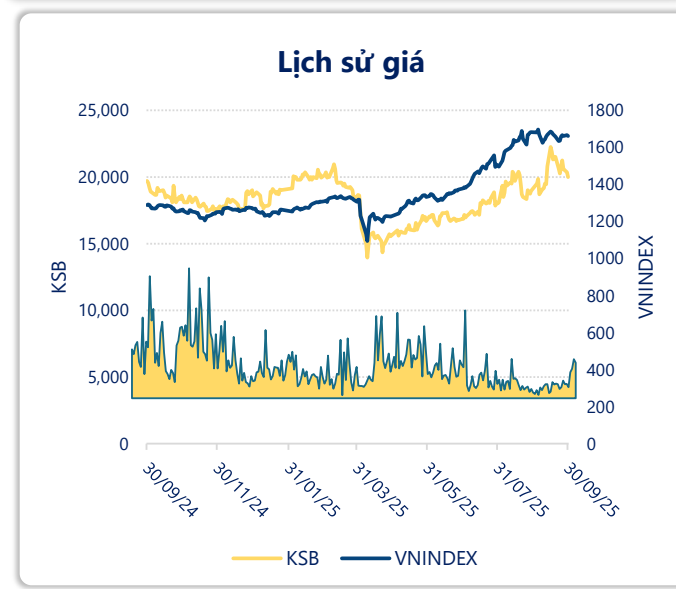
	9T 2025	
LN gộp	233	YoY
		▲ 103
		▲ 79.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	53.8	QoQ	YoY
		▲ 5.60	▲ 34.0
		▲ 11.6%	▲ 172%
	tỷ VNĐ		

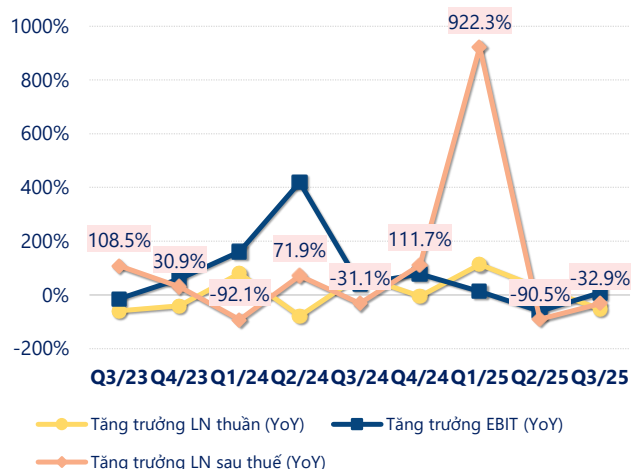
	9T 2025	
LN thuần	141	YoY
		▲ 56.9
		▲ 67.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	35.4	QoQ	YoY
		▼ 7.60	▲ 23.2
		▼ 17.6%	▲ 191%
	tỷ VNĐ		

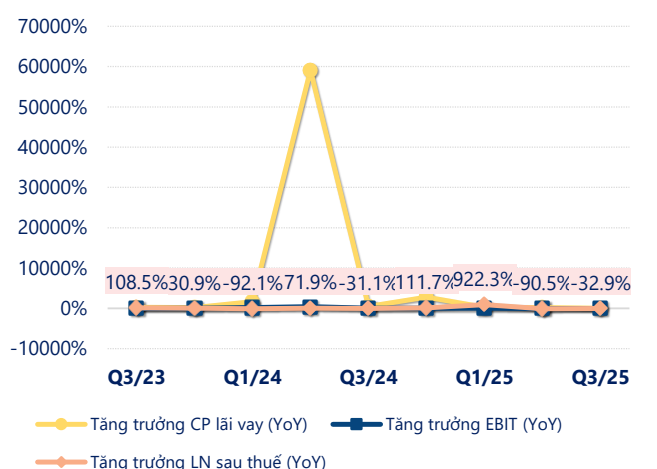
	9T 2025	
LN sau thuế	114	YoY
		▲ 80.6
		▲ 242%
	tỷ VNĐ	



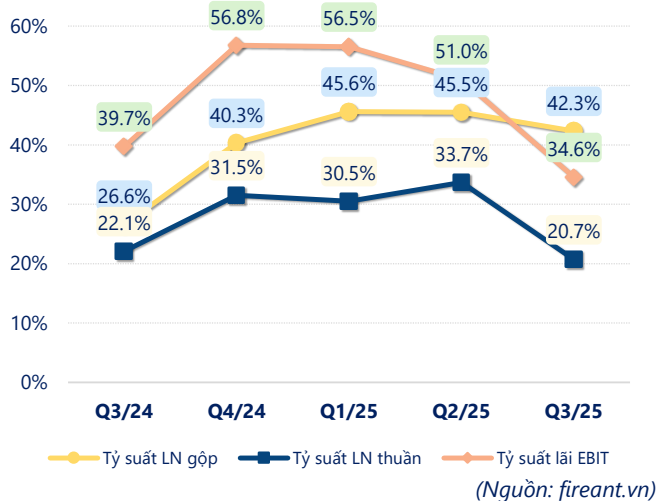
Tăng trưởng lợi nhuận



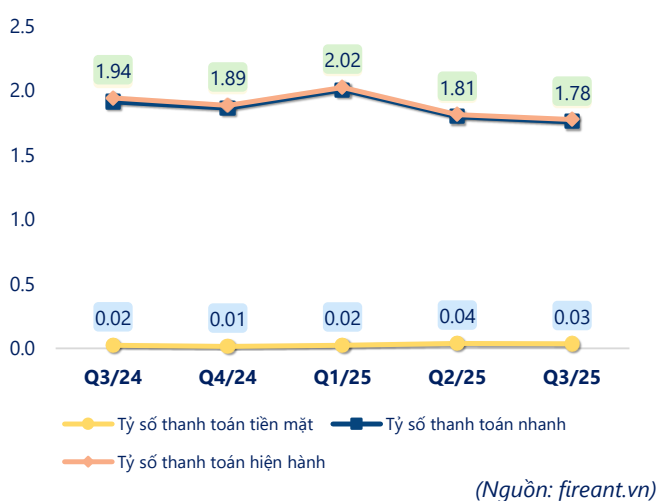
Tăng trưởng chi phí



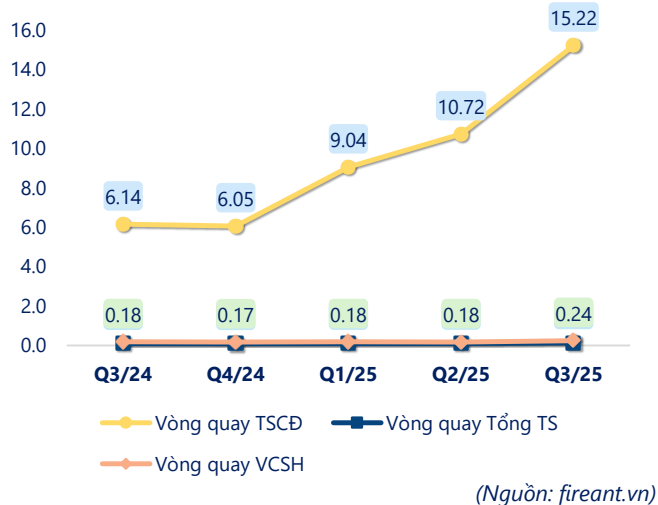
Tỷ suất lợi nhuận



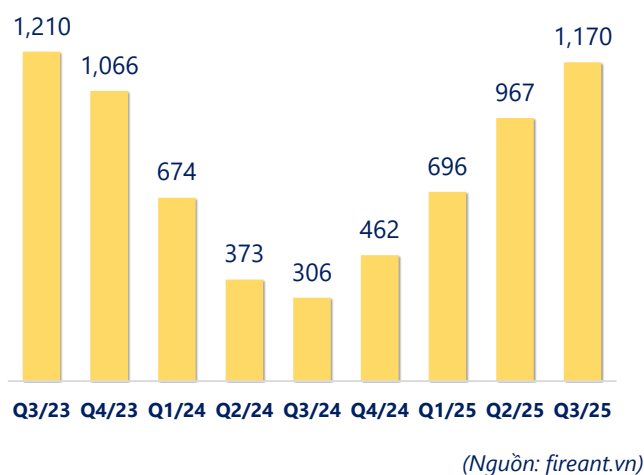
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	260	89.5	190%	530	282	87.8%
Giá vốn hàng bán	150	65.7	128%	297	153	94.6%
Lợi nhuận gộp	110	23.8	362%	233	130	79.7%
Doanh thu HĐTC	3.20	21.4	-85.0%	34.8	90.3	-61.4%
Chi phí TC	45.0	20.4	120%	103	103	-0.4%
Chi phí lãi vay	44.3	20.4	117%	102	103	-1.1%
LN trong công ty LKLD	13.9	11.2	24.1%	44.2	20.3	118%
Chi phí bán hàng	8.84	3.57	148%	14.2	11.9	19.2%
Chi phí QLDN	19.6	12.6	55.2%	54.4	41.0	32.8%
LN thuần từ HĐKD	53.8	19.8	172%	141	84.1	67.3%
Lợi nhuận khác	-8.23	-4.61	-78.5%	-8.25	-29.8	72.3%
LN trước thuế	45.6	15.1	202%	132	54.3	144%
Lợi nhuận sau thuế	35.4	12.2	191%	114	33.4	242%
LNST của CĐ cty mẹ	35.5	12.2	191%	115	33.5	242%

(Nguồn: fireant.vn)

